



Ký bởi Ủy ban nhân dân xã Mường Nhà

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MƯỜNG NHÀ

Số: 311 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mường nhà, ngày 12 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách học sinh, cơ sở giáo dục được hưởng các chế độ chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (từ tháng 1-5/2025 và tháng 9-12/2025)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ MƯỜNG NHÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội xã Mường nhà tại Tờ trình số 14/TTr-VHXXH, ngày 11 tháng 11 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh, cơ sở giáo dục được hưởng các chế độ chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (từ tháng 1-5/2025 và tháng 9-12/2025) trên địa bàn xã Mường nhà, cụ thể như sau:

1. Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách từ tháng 1-5/2025: 6.320.039.500 đồng.

2. Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách từ tháng 9-12/2025: 6.301.450.000 đồng.

Tổng kinh phí thực hiện chế độ chính sách theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách của các trường từ tháng 1-5/2025 và tháng 9-12/2025: 12.621.489.500 đồng; (bằng chữ: Mười hai tỷ, sáu trăm hai mươi một triệu, bốn trăm tám mươi chín nghìn, năm trăm đồng chẵn); (Có biểu tổng hợp kinh phí và danh sách chi tiết học sinh được thụ hưởng kèm theo).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã; Trưởng các phòng: Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh tế. Hiệu trưởng các trường Mầm non; Tiểu học; THCS; THPT và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

- Như Điều 3;
- TT Đảng uỷ, TT HĐND xã (b/c);
- LĐ UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH;

Đặng Văn Tuấn

UBND UBND XÃ MUỜNG NHÀ

TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỌC SINH THEO NGHỊ ĐỊNH 66/2025/NĐ-CP TỪ THÁNG 1 ĐẾN THÁNG 5 NĂM 2025 VÀ TỪ THÁNG 9 ĐẾN THÁNG 12 NĂM 2025



Kèm theo Quyết định số:311/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Mường Nhà)

ĐVT: nghìn đồng

STT	Tên Trường	Mã QHNS	Kinh phí đã cấp đầu năm ND 116/2016/NĐ-CP	ND 66/2025/NĐ -CP			Kinh phí thừa + thiếu -	Ghi chú
				Nhu cầu từ tháng 1-5/2025	Nhu cầu từ tháng 9-12/2025	Tổng kinh phí năm 2025		
A	B	C	I	2	3	4	5	6
I	- CẤP MẦM NON		0	229,680	418,204	647,884	-647,884	
1	Trường MN Mường Nhà	1096035		16,200	94,870	111,070	-111,070	
2	Trường MN Pu Lau	1115256		19,800	44,640	64,440	-64,440	
3	Trường MN Phu Luông	1115261		109,800	116,874	226,674	-226,674	
4	Trường MN Mường Lói	1096036		83,880	161,820	245,700	-245,700	
II	- CẤP TIỂU HỌC		2,985,120	1,711,798	1,659,536	3,371,334	-386,214	
1	Trường PTDTBT TH Mường Nhà	1095988	1,351,090	761,708	782,680	1,544,388	-193,298	
2	Trường PTDTBT TH Mường Lói	1095979	1,634,030	950,090	876,856	1,826,946	-192,916	
III	- CẤP THCS		7,563,190	4,378,562	4,223,710	8,602,272	-1,039,082	
1	Trường THCS Mường Nhà	1095961	3,708,490	2,040,777	1,976,274	4,017,051	-308,561	
2	Trường PTDTBT TH&THCS Phu Luông	1095962	3,854,700	2,337,785	2,247,436	4,585,221	-730,521	
Tổng cộng			10,548,310	6,320,040	6,301,450	12,621,490	-2,073,180	

TRƯỜNG NHÀ

**DUYỆT DANH SÁCH TRẺ EM MẪU GIÁO ĐƯỢC HỖ TRỢ ĂN TRƯA THEO NGHỊ ĐỊNH
66/2025/NĐ-CP NGÀY 12/03/2025 THÁNG 09 - THÁNG 12 NĂM 2025**

(Kèm theo QĐ số: 311 /QĐ-UBND, ngày 12 tháng 11 năm 2025 của UBND xã Mường Nhà)

Đvt: Nghìn đồng

STT	Họ và tên học sinh	Năm sinh		Số tiền được hỗ trợ/ tháng	Số tháng	Tổng tiền được hỗ trợ	Ghi chú
		Nam	Nữ				
TRƯỜNG MẦM NON PU LAU						23.040.000	-
1	Vàng Quốc Bình	31/07/2023		360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
2	Lầu A Và	10/07/2023		360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
3	Vừ Duy Mạnh	08/11/2023		360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
4	Vừ A Đại	11/09/2023		360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
5	Vừ Yến Nhi		16/10/2023	360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
6	Lầu Thị Ly		22/05/2023	360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
7	Vàng Thị Yến Ly		24/01/2023	360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
8	Vàng Thị Rau		01/09/2023	360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
9	Vàng Chí Thành		08/03/2023	360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
10	Vàng Thị Phương Thảo		05/11/2023	360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
11	Vừ Thị Ngọc Bích		19/08/2024	360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
12	Vàng Thị Thu Hiền		26/03/2024	360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
13	Lầu A Di	09/10/2024		360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
14	Sùng Thị Thiên Hương		17/09/2024	360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
15	Lầu Thị Hồng Sam		08/09/2024	360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương
16	Lường Thị Tuệ		25/03/2024	360.000	4	1.440.000	NT Hồi Hương